

UNIT 2 – LESSON 1

PART 1: VOCAB LIST

1. Vocabulary

Words	Transcription	Meaning	Examples
beehive (n)	/ˈbiːhaɪv/	tổ ong	He studies the life of bees in the beehive .
brave (a)	/breɪv/	can đảm	The whisky has made him brave .
buffalo-drawn cart (n)	/ˈbʌfələʊ drɔːn kɑːt/	xe trâu kéo	Buffalo-drawn cart used to be very popular in the region.
cattle (n)	/ˈkætl/	gia súc	They moved their cattle farther down into the valley in winter.
collect (v)	/kəˈlekt/	thu gom	We're collecting stamps as a habit.
convenient (a)	/kənˈviːniənt/	thuận tiện	It is very convenient to live here.
disturb (v)	/dɪˈstɜːb/	làm phiền	It is not good to disturb other people late at night.
electrical appliance (n)	/ɪˈlektɹɪkl əˈplaɪəns/	đồ điện	Electrical appliance is very cheap nowadays.
generous (a)	/ˈdʒenərəs/	hào phóng	He is a generous man.
ger (n)	/ger/	lều của dân du mục Mông Cổ	Ger is a portable, round tent covered with skins or felt.

Words	Transcription	Meaning	Examples
Gobi highlands (n)	/'gəʊbi 'haɪləndz/	Cao nguyên Gobi	On the Gobi Highlands , people have an unusual lifestyle.
grassland (n)	/'grɑ:slænd/	đồng cỏ	Grasslands are areas where the vegetation is dominated by grasses.
harvest time (n)	/'hɑ:vɪst taɪm/	mùa gặt	During the harvest time , the terraced rice fields look like golden silk scarves above green mountain slopes.
herd (v)	/hɜ:d/	chăn dắt	cattle were herded together into trucks and driven away.
local (a)	/'ləʊkl/	địa phương	It is difficult to understand the local dialect.
Mongolia (n)	/mɒŋ'gəʊliə/	Mông Cổ	Mongolia is a country in eastern Asia.
nomad (n)	/'nəʊmæd/	dân du mục	The Tuareg are the largest tribe of nomads in the desert.
nomadic (a)	/nəʊ'mædɪk/	thuộc về du mục	Travelling and leading a nomadic lifestyle have been my highest priorities for a very long time.
paddy field (n)	/'pædi fi:ld/	đồng lúa	A paddy field is a flooded parcel of arable land used for growing semiaquatic rice.
pasture (n)	/'pɑ:stʃə(r)/	đồng cỏ	The cattle were put out to pasture .
pick (v)	/pɪk/	hái (hoa, quả)	She picked some flowers and arranged them into a beautiful bouquet.
racing motorist (n)	/'reɪsɪŋ 'məʊtərɪst/	người lái ô tô đua	Michael Schumacher was a famous racing motorist .

Words	Transcription	Meaning	Examples
vast (a)	/vɑːst/	rộng lớn	There is a <i>vast</i> area of wilderness in southern part of the country.

2. Word formation

Words	Related words	Transcription	Meaning
brave (a)	bravery (n)	/'breɪvəri/	lòng dũng cảm
	bravely (adv)	/'breɪvli/	một cách dũng cảm
draw (v.n)	drawer (n)	/'drɔːə(r)/	ngăn kéo
	drawing (n)	/'drɔːɪŋ/	bản vẽ
collect (v)	collector (n)	/kə'lektə(r)/	người sưu tầm
	collection (n)	/kə'leɪʃn/	bộ sưu tập
	collected (a)	/kə'lektɪd/	chọn lọc
	collective (a)	/kə'lektɪv/	tập thể, tập hợp
convenient (a)	convenience (n)	/kən'viːniəns/	sự tiện lợi
	inconvenient (a)	/,ɪnkən'viːniənt/	bất tiện
	inconvenience (n)	/,ɪnkən'viːniəns/	sự bất tiện
disturb (v)	disturbance (n)	/dɪ'stɜːbəns/	sự làm phiền
	disturbing (a)	/dɪ'stɜːbɪŋ/	gây phiền muộn
electric (a)	electricity (n)	/ɪ'lek'trɪsəti/	điện
	electrical (a)	/ɪ'lek'trɪkl/	thuộc về điện
	electrician (n)	/ɪ'lek'trɪʃn/	thợ điện
	electrify (v)	/ɪ'lek'trɪfaɪ/	điện khí hóa
	electrification (n)	/ɪ'lek'trɪfɪ'keɪʃn/	quá trình điện khí hóa
apply (v)	appliance (n)	/ə'plaɪəns/	thiết bị, dụng cụ
	application (n)	/,æplɪ'keɪʃn/	sự ứng dụng
	applicable (a)	/ə'plɪkəbl/	có thể áp dụng
	applicant (n)	/'æplɪkənt/	ứng viên

Words	Related words	Transcription	Meaning
generous (a)	generosity (n)	/ˌdʒenəˈrɒsəti/	sự hào phóng
	generously (adv)	/ˌdʒenərəsli/	một cách hào phóng
	ungenerous (a)	/ʌnˈdʒenərəs/	không hào phóng
	ungenerosity (n)	/ʌnˌdʒenəˈrɒsəti/	sự không hào phóng
local (a)	locally (adv)	/ˈləʊkəli/	một cách cục bộ
	localise (v)	/ˈləʊkəlaɪz/	địa phương hóa
	localisation (n)	/ˌləʊkəlaɪˈzeɪʃn/	sự địa phương hóa
	locate (v)	/ləʊˈkeɪt/	xác định vị trí
	location (n)	/ləʊˈkeɪʃn/	vị trí
motor (n)	motorist (n)	/ˈməʊtərɪst/	người lái ô tô
	motorise (v)	/ˈməʊtəraɪz/	cơ giới hóa
	motorisation (n)	/ˌməʊtəraɪˈzeɪʃn/	việc cơ giới hóa

Các em hãy vào link Vocabtest dưới đây để cùng tìm hiểu về các từ vựng chủ đề này nhé!

Link: http://www.vocabtest.com/vocabulary_word_test.php?tid=462007

PART 2: PRACTICE

I. Fill in the blank with a suitable word in the box.

<i>vast</i>	<i>inconvenient</i>	<i>colorful</i>	<i>friendly</i>	<i>peaceful</i>
-------------	---------------------	-----------------	-----------------	-----------------

Nam: Hi Mai, long time no see. Where have you been?

Mai: Hi Nam, how are you? I visited my grandparents in the countryside.

Nam: Sounds great. How do you feel?

Mai: I love my trip. Some people may think living in the countryside is (1) _____ but I don't think so.

Nam: I can't agree more. The life is (2) _____ there. What do you like most in the countryside, Mai?

Mai: I like the beautiful scenery. My hometown has (3) _____ paddy fields. I want to paint a (4) _____ picture about my countryside after this visit. What do you think about the countryside, Nam?

Nam: I love its (5) _____ people. They are willing to help others. I hope I will have a chance to visit your hometown one day.

Mai: Sure, you can go with my family next time.

II. Put the nouns/ noun phrases in the correct column

<i>food</i>	<i>apple</i>	<i>water</i>
<i>cattle</i>	<i>a bike</i>	<i>a camel</i>
<i>strawberry</i>	<i>wild flowers</i>	<i>hay</i>
<i>a horse</i>	<i>sheep</i>	<i>a pole</i>

<i>ride</i>	<i>collect</i>	<i>put up</i>	<i>herd</i>	<i>pick</i>

III. Give the correct form of the word in brackets to complete the following sentences.

1. For more than two years she battled _____ against cancer. (BRAVE)
2. The door opened onto a courtyard, as shown in the _____. (DRAW)

3. She has recently launched her new ready-to-wear _____. (COLLECT)
4. I like the _____ of living close to work. (CONVENIENT)
5. Residents are tired of the _____ caused by the nightclub. (DISTURB)
6. The railway line was _____ in the 1950s. (ELECTRIC)
7. Have you completed your _____ form yet? (APPLY)
8. He treated them with great _____. (GENEROUS)
9. We still do not know the precise _____ of the crash. (LOCATE)
10. The policeman smiled benignly at the _____. (MOTOR)

IV. Match each word to its meaning.

WORD	MEANING
1. forest	A. a community of people smaller than a town
2. stream	B. a small house in the country
3. village	C. the trees and other plants in a large densely wooded area
4. lake	D. a steep descent of the water of a river
5. cottage	E. domesticated bovine animals such as cows, buffaloes
6. field	F. grass mowed and cured for use as fodder
7. waterfall	G. a piece of land cleared of trees and usually enclosed
8. hay	H. land covered with grass and other low plants suitable for grazing animals
9. pasture	I. a body of (usually fresh) water surrounded by land
10. cattle	J. a natural body of running water flowing on or under the earth

V. Choose the best answer to complete each of the following sentences.

1. Nam helped his parents _____ the rice onto the ox-drawn cart.

A. load B. collect C dry D. ride

2. It's said that city life is more _____ than country life.

A. friendly B. exciting C natural D. peaceful

3. The sky is _____ here in the countryside because there are no buildings to block the view.

A. tidy B. close C. dense D. vast

4. Look! Some children are _____ the buffaloes.

A. picking B. playing C. driving D. herding